

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (HT1: HOSE)

Ngày báo cáo: 25/07/2025
Ngành: XI MĂNG
PGĐ TTPT: Đào Minh Châu, CFA
Email: chaudm@ssi.com.vn
SĐT: +84-28 3636 3688

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: **15.700 Đồng**
Giá CP ngày 24/07/2025: 14.000 Đồng
% Tăng giá: **+12,1%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 204
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 5.342
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 382
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 466.103
Giá cao/thấp nhất 52T (NĐ): 14,2/9,3
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 5,8
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 1,2
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 79,7

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Được thành lập vào năm 1964, Hà Tiên 1 tiên thân là Nhà máy Xi măng Hà Tiên ở miền Nam Việt Nam với công suất thiết kế 240.000 tấn clinker ở Kiên Lương - Tỉnh An Giang, và 280.000 tấn xi măng tại Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1993, Nhà máy Xi măng Hà Tiên được chia thành hai công ty, bao gồm Hà Tiên 1 (công suất thiết kế của 0,8 triệu tấn xi măng mỗi năm tại Thủ Đức), và Hà Tiên 2 (HT2, với công suất thiết kế 1,1 triệu tấn clinker và 0,5 triệu tấn xi măng mỗi năm). HT1 đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) trong năm 2007 với vốn điều lệ là 870 tỷ đồng. Trong năm 2010, HT1 sáp nhập với HT2, trở thành doanh nghiệp sản xuất xi măng lớn nhất Việt Nam.

Lợi nhuận xây cao nhờ đầu vào hạ nhiệt và sức cầu cải thiện

Cập nhật KQKD Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2025:

HT1 ghi nhận sự phục hồi lợi nhuận mạnh mẽ trong Q2/2025, với LNST tăng 145% svck, đạt 112,3 tỷ đồng dù doanh thu chỉ tăng nhẹ 1,2% svck lên 1.931 tỷ đồng. Sản lượng tiêu thụ trong Q2/2025 tăng 8,5% svck, nhưng giá bán bình quân giảm 5,6% svck do cạnh tranh gay gắt, công ty phải triển khai các chiết khấu và khuyến mãi tương đương 8% doanh thu gộp – mức cao nhất kể từ năm 2017. Biên lợi nhuận gộp cải thiện 4,9 điểm phần trăm lên 14%, nhờ giá than giảm hơn 20% svck và công suất hoạt động cao hơn. Lũy kế 6T2025, doanh thu tăng 3,4% svck đạt 3.517 tỷ đồng, còn LNST tăng vọt 388% svck lên 103,1 tỷ đồng.

Thị trường xi măng Việt Nam ghi nhận tổng sản lượng tiêu thụ đạt 54 triệu tấn trong 6T2025 (+14% svck), chủ yếu nhờ nhu cầu nội địa tăng mạnh 18%. Xuất khẩu cũng phục hồi, tăng 6% svck lên 17 triệu tấn. Tuy nhiên, ngành vẫn đối mặt với các thách thức khi sản lượng sản xuất liên tục vượt cầu, đặc biệt tại khu vực miền Bắc. Tăng trưởng nhu cầu vẫn phụ thuộc vào các dự án hạ tầng trọng điểm như sân bay Long Thành, cao tốc Bắc – Nam và Vành đai 4 TP.HCM. Trong năm 2025, chúng tôi dự báo tổng nhu cầu tiêu thụ xi măng sẽ tăng 6%, với mức tăng 7,5% đến từ khu vực xây dựng công và tư nhân. Tuy vậy, giá bán bình quân nhiều khả năng tiếp tục chịu áp lực do tình trạng dư cung kéo dài.

Triển vọng:

Với lợi thế về thương hiệu và chất lượng sản phẩm, HT1 có vị thế tốt để hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển nhu cầu về phía Nam, thị trường trọng điểm của công ty. Trong 6 tháng cuối năm 2025, chúng tôi kỳ vọng giá bán duy trì ổn định, chi phí đầu vào tiếp tục được kiểm soát và sản lượng tăng sẽ hỗ trợ đà phục hồi lợi nhuận. Chúng tôi điều chỉnh dự báo doanh thu đạt 7.987 tỷ đồng (+8,5% svck) và lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 258 tỷ đồng trong năm 2025. Sang năm 2026, dự báo doanh thu đạt 8.691 tỷ đồng và LNST đạt 316 tỷ đồng (+22,1% svck).

Cập nhật khuyến nghị:

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu HT1 và nâng giá mục tiêu lên **15.700 đồng/cp**, tương ứng với hệ số EV/EBITDA mục tiêu 6,0x và tiềm năng tăng giá 12,1% so với giá hiện tại. HT1 được kỳ vọng hưởng lợi từ tiền độ giải ngân đầu tư công và sự phục hồi của thị trường bất động sản tại miền Nam. Công ty có bề dày thương hiệu tại khu vực cùng chất lượng sản phẩm ổn định. Mặc dù áp lực cạnh tranh trên toàn ngành vẫn lớn do dư cung – đặc biệt tại miền Bắc và miền Trung, nhưng thị trường miền Nam đang có áp lực thấp hơn nhờ công suất hạn chế và nhu cầu tăng trưởng tích cực.

Tỷ đồng	2Q25	2Q24	YoY	1Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							2Q25	2Q24	1Q25	2024
Doanh thu thuần	1.931	1.909	1,2%	1.587	21,7%	49%				
Lợi nhuận gộp	271	176	53,7%	135	100,5%		14,0%	9,2%	8,5%	9,4%
Lợi nhuận hoạt động	149	54	174,0%	19	671,4%		7,7%	2,8%	1,2%	2,1%
EBIT	139	60	132,9%	16	781,9%		7,2%	3,1%	1,0%	2,0%
EBITDA	283	196	44,6%	158	79,0%		14,7%	10,3%	10,0%	10,1%
Lợi nhuận trước thuế	128	45	184,9%	2	7192,4%		6,6%	2,3%	0,1%	1,2%
Lợi nhuận ròng	112	46	145,0%	-9	-1323,8%	56%	5,8%	2,4%	-0,6%	0,9%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ (NAPTMI)	112	46	145,0%	-9	-1323,9%		5,8%	2,4%	-0,6%	0,9%

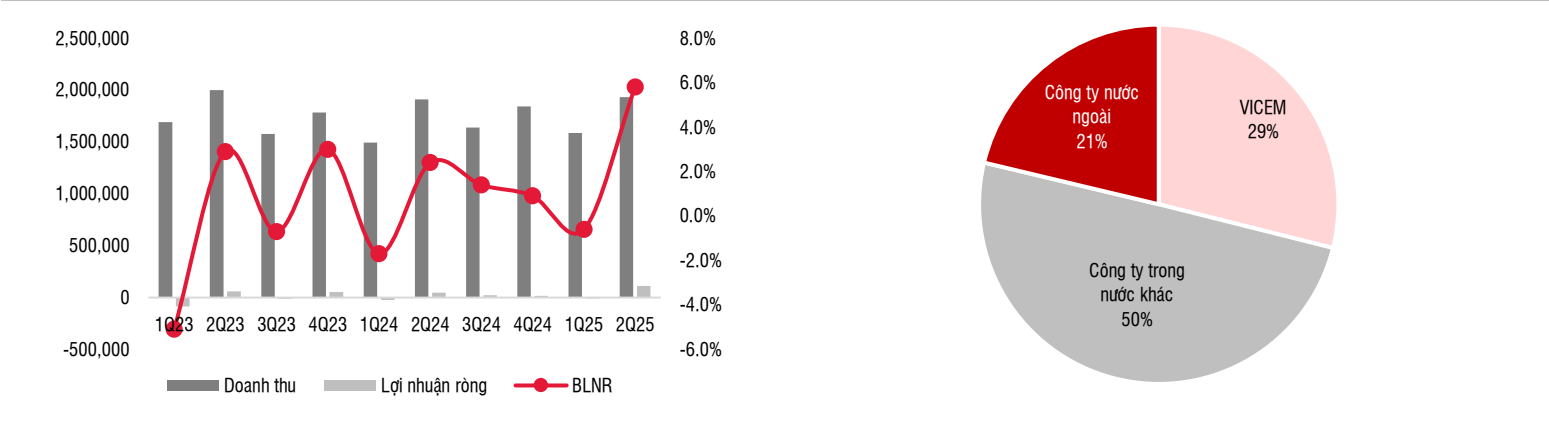
Nguồn: HT1, SSI Research

Lợi nhuận phục hồi ấn tượng nhờ chi phí đầu vào giảm và nâng cao công suất hoạt động

Trong Q2/2025, HT1 ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.931 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,2% svck. Tuy nhiên, LNST đạt 112,3 tỷ đồng, tăng mạnh 145% svck. Kết quả này chủ yếu đến từ biên lợi nhuận gộp cải thiện 4,9 điểm phần trăm svck (từ 9,2% trong Q2/2024 lên 14% trong Q2/2025), nhờ sản lượng phục hồi tích cực và giá than đầu vào giảm mạnh. Lũy kế 6T2025, doanh thu đạt 3.517 tỷ đồng (+3,4% svck) và LNST đạt 103,1 tỷ đồng (tăng mạnh 388% svck).

Lợi nhuận ròng, NPATMI (tỷ đồng) và biên LN ròng (%)

Thị phần nội địa 6T2025

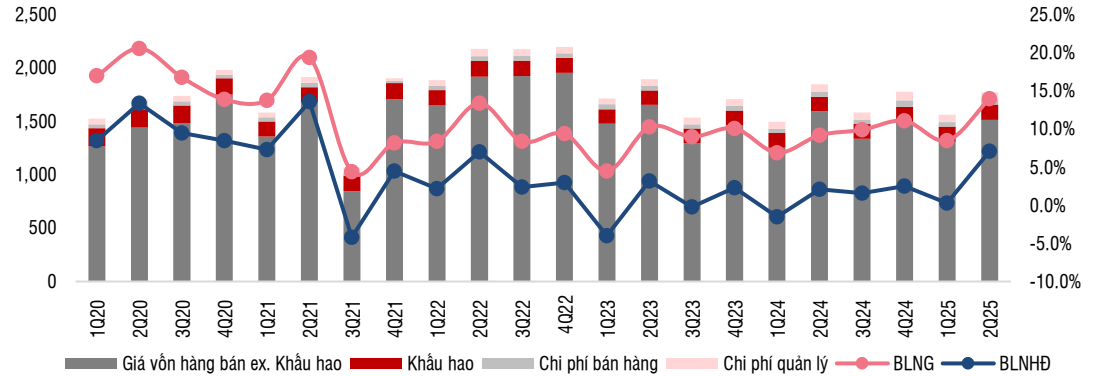


Nguồn: HT1, CIDC and SSIRS

Sản lượng tiêu thụ trong quý 2 tăng 8,5% svck, phản ánh tín hiệu phục hồi của nhu cầu. Tuy vậy, HT1 tiếp tục đối mặt với áp lực giảm giá bán, khi giá bán bình quân trong quý 1 và quý 2 lần lượt giảm 3,2% và 5,6% svck. Điều này đã kìm hãm tăng trưởng doanh thu, khiến doanh thu thuần chỉ tăng nhẹ 1,2% trong quý. Để duy trì sức cạnh tranh về giá, công ty đã tích cực triển khai các chương trình chiết khấu và khuyến mãi, với tổng giá trị chiết khấu tương đương 8% doanh thu gộp trong quý 2 – mức cao nhất kể từ năm 2017.

Mặc dù giá bán bình quân giảm, biên lợi nhuận gộp vẫn cải thiện gần 5 điểm phần trăm lên 14%, nhờ công suất hoạt động tăng và chi phí nguyên liệu đầu vào giảm mạnh, đặc biệt là giá than (giảm khoảng 15% từ đầu năm và 22% svck). HT1 cũng đẩy mạnh các biện pháp tiết giảm chi phí, bao gồm tăng sử dụng vật liệu thay thế, như thay gần một nửa lượng thạch cao bằng thạch cao nhân tạo và thay thế hơn 1/4 lượng tiêu thụ năng lượng bằng đốt rác thải.

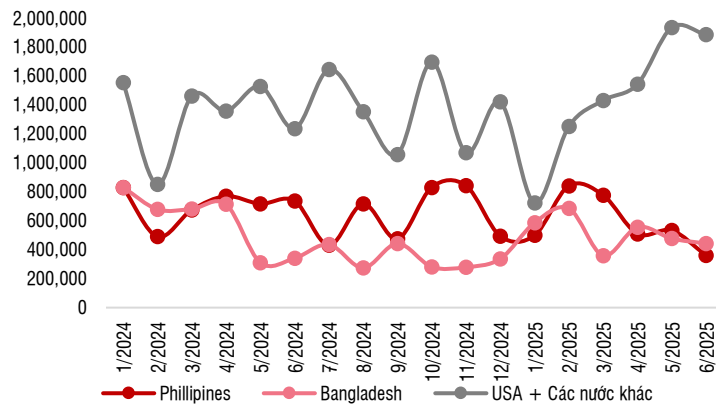
Cơ cấu chi phí (tỷ đồng)



Nguồn: HT1 and SSIRS

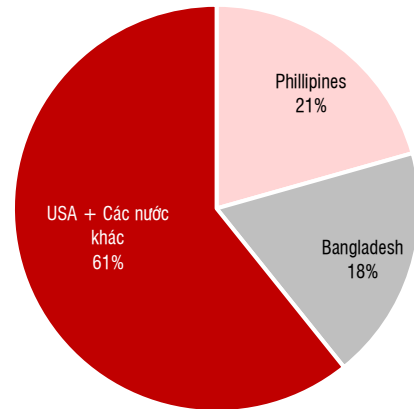
Ngành xi măng Việt Nam phục hồi tích cực trong 6T2025, với tổng sản lượng tiêu thụ xi măng và clinker đạt 54 triệu tấn (+14% svck). Động lực chính đến từ tiêu thụ nội địa, tăng 18% svck lên 37,5 triệu tấn nhờ hoạt động xây dựng hạ tầng và dân dụng cải thiện. Trong đó, VICEM đóng góp khoảng 11,7 triệu tấn. Xuất khẩu cũng tăng 6% svck, đạt 17 triệu tấn, chủ yếu nhờ sản lượng xuất clinker tăng 19%, trong khi xuất khẩu xi măng giảm nhẹ 2% svck. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 635 triệu USD (+1,7% svck), với các thị trường chính gồm Philippines, Mỹ, Singapore và Malaysia.

Xuất khẩu sang thị trường lớn (tấn)



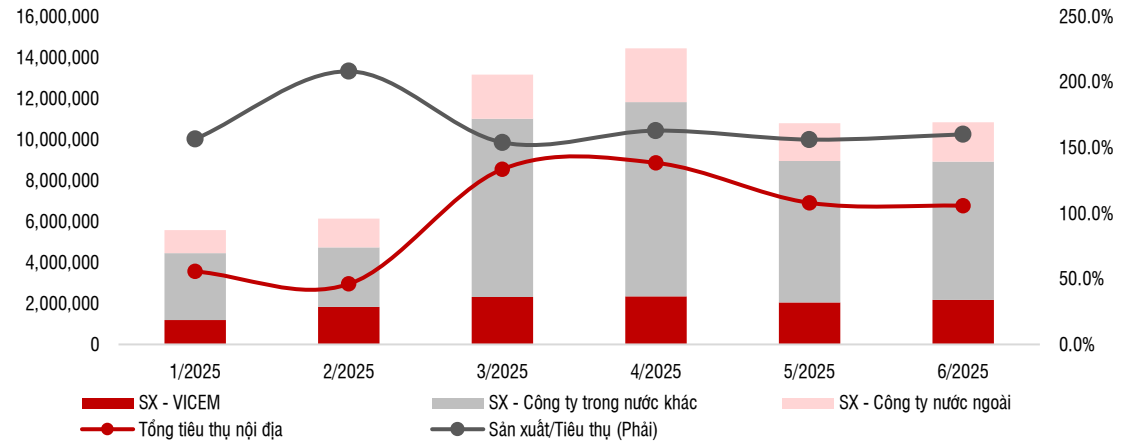
Nguồn: TCTK, CIDC, SSI Research

Cơ cấu thị trường xuất khẩu (6T2025)



Nhu cầu xi măng trong nước tiếp tục được hỗ trợ bởi loạt dự án hạ tầng trọng điểm cấp quốc gia như sân bay quốc tế Long Thành (LTIA), đường cao tốc Bắc – Nam, mặc dù tiền độ đôi lúc bị ảnh hưởng bởi thiếu hụt vật liệu đầu vào như cát và đá xây dựng.

Trong năm 2025, chúng tôi dự báo tổng nhu cầu xi măng toàn ngành sẽ tăng khoảng 6%, chủ yếu đến từ đà giải ngân hạ tầng tại khu vực phía Nam. Các động lực chính bao gồm: sân bay Long Thành, các đoạn cao tốc phía Nam thuộc tuyến Bắc – Nam, Vành đai 4 TP.HCM và các dự án cao tốc khác trong mạng lưới giao thông phía Nam. Mức tăng trưởng này phản ánh sự phục hồi trong cả hoạt động xây dựng công và tư nhân, với tổng mức tăng ước tính khoảng 7,5%.

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng 6T2025 (tấn)

Nguồn: HT1, TCTK, SSI Research

Về chính sách, Nghị định 108/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 19/5/2025 đã giảm thuế xuất khẩu với nhóm mã HS 2523.10 (xi măng và clinker) từ 10% xuống còn 5%, áp dụng đến hết năm 2026. Giá FOB xi măng bình quân tăng nhẹ từ 30 USD/tấn năm 2024 lên khoảng 35-37 USD/tấn, nhờ nhu cầu dẫn phục hồi tại các thị trường như Đông Phi và châu Mỹ.

Ước tính lợi nhuận

Với triển vọng nhu cầu tích cực, đặc biệt tại khu vực phía Nam, thị trường chính của HT1, chúng tôi giữ quan điểm lạc quan đối với công ty. HT1 được kỳ vọng tiếp tục kiểm soát tốt chi phí đầu vào và duy trì ổn định mặt bằng giá bán, tạo tiền đề cho kết quả kinh doanh nửa cuối năm khả quan hơn. Chúng tôi điều chỉnh giá định cho năm 2025, phản ánh mức tăng 12% svck về sản lượng tiêu thụ, giảm 2% về giá bán bình quân và chi phí than giảm 25%. Theo đó, doanh thu thuần và NPATMI năm 2025 dự báo đạt lần lượt 7.987 tỷ đồng (+8,5% svck) và 258 tỷ đồng (+296% svck). Sang năm 2026, chúng tôi ước tính doanh thu thuần đạt 8.691 tỷ đồng (+8,8% svck) và NPATMI đạt 316 tỷ đồng (+22,1% svck).

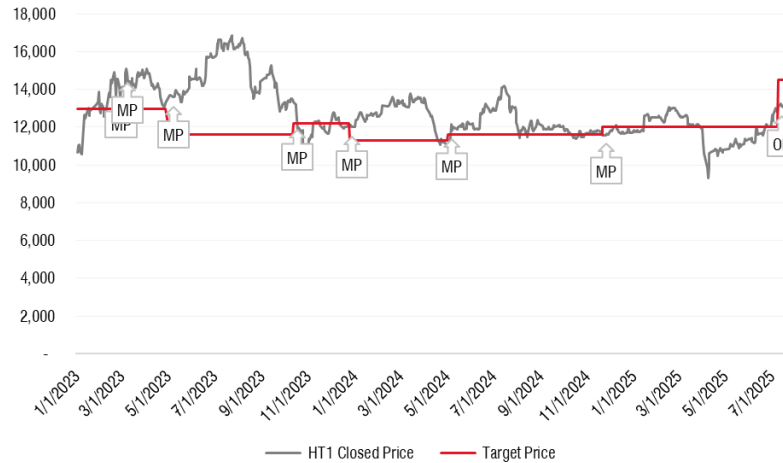
Ước tính chi tiết:

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu	7.470	9.474	7.542	7.360	7.987	8.691
Tăng trưởng doanh thu	-11,5%	26,8%	-20,4%	-2,4%	8,5%	8,8%
Lợi nhuận gộp	890	892	604	645	888	1.008
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	12,6%	10,0%	8,6%	9,4%	11,8%	12,3%
LNTT	479	324	25	86	323	394
Lợi nhuận ròng	372	258	18	65	258	316
Tăng trưởng LN ròng	-38,9%	-30,6%	-93,0%	262,8%	296,3%	22,1%
<i>Biên LN ròng</i>	5,3%	2,9%	0,3%	0,9%	3,4%	3,9%
EPS (VND)	973	675	46	170	675	824

Định giá và luận điểm đầu tư

Dựa trên hệ số mục tiêu EV/EBITDA là 6x, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu HT1, với giá mục tiêu **15.700 đồng/cổ phiếu**, tương ứng với tiềm năng tăng giá **12,1%** so với giá hiện tại. HT1 có vị thế thuận lợi để hưởng lợi từ tiền độ giải ngân đầu tư công được đẩy nhanh và sự phục hồi của thị trường bất động sản tại khu vực phía Nam. Công ty sở hữu thương hiệu lâu năm cùng với chất lượng sản phẩm ổn định. Mặc dù cạnh tranh trên thị trường nội địa vẫn gay gắt do tình trạng dư cung, đặc biệt tại khu vực miền Bắc và miền Trung, áp lực tại thị trường miền Nam nhìn chung thấp hơn nhờ công suất hạn chế và nhu cầu ngày càng tăng.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	607	849	1.450	2.403
+ Đầu tư ngắn hạn	16	17	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	439	342	323	351
+ Hàng tồn kho	847	646	695	752
+ Tài sản ngắn hạn khác	60	50	56	60
Tổng tài sản ngắn hạn	1.969	1.904	2.523	3.566
+ Các khoản phải thu dài hạn	21	23	23	25
+ GTCL Tài sản cố định	5.001	5.074	4.988	4.498
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	1.061	526	526	526
+ Đầu tư dài hạn	31	36	36	36
+ Tài sản dài hạn khác	540	659	651	705
Tổng tài sản dài hạn	6.655	6.318	6.223	5.790
Tổng tài sản	8.624	8.222	8.747	9.356
+ Nợ ngắn hạn	3.771	3.321	3.588	3.882
Trong đó: vay ngắn hạn	1.578	1.511	1.655	1.791
+ Nợ dài hạn	20	21	20	20
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	3.791	3.342	3.608	3.902
+ Vốn góp	3.816	3.816	3.816	3.816
+ Thặng dư vốn cổ phần	71	71	71	71
+ Lợi nhuận chưa phân phối	18	65	323	637
+ Quỹ khác	928	928	929	930
Vốn chủ sở hữu	4.833	4.880	5.138	5.454
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	8.624	8.222	8.747	9.356
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	482	570	957	917
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-143	-90	-500	-100
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-408	-239	144	136
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-69	241	601	953
Tiền đầu kỳ	676	607	849	1.450
Tiền cuối kỳ	607	849	1.450	2.403
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	0,52	0,57	0,7	0,92
Hệ số thanh toán nhanh	0,28	0,36	0,49	0,71
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,17	0,26	0,4	0,62
Nợ ròng / EBITDA	1,54	1,17	0,45	-0,19
Khả năng thanh toán lãi vay	1,2	2,59	6,57	7,29
Ngày phải thu	14	13,8	12,4	12,6
Ngày phải trả	75,5	69,1	64	63,2
Ngày tồn kho	53,5	43,7	37	36,9
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,56	0,59	0,59	0,58
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,44	0,41	0,41	0,42
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,78	0,68	0,7	0,72
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,33	0,31	0,32	0,33
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,33	0,31	0,32	0,33

Nguồn: NT2, SSI dự báo

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	7.049	6.884	7.509	8.170
Giá vốn hàng bán	-6.445	-6.239	-6.620	-7.162
Lợi nhuận gộp	604	645	888	1.008
Doanh thu hoạt động tài chính	6	10	3	5
Chi phí tài chính	-160	-96	-78	-84
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-174	-181	-188	-204
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-242	-285	-300	-327
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34	94	326	398
Thu nhập khác	-9	-8	-3	-3
Lợi nhuận trước thuế	25	86	323	394
Lợi nhuận ròng	18	65	258	316
Lợi nhuận chia cho cổ đông	18	65	258	315
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	1	1
EPS cơ bản (VND)	46	170	675	824
Giá trị sổ sách (VND)	12.640	12.763	13.438	14.263
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	0	0	0	0
EBIT	148	140	381	457
EBITDA	697	698	967	1.047
Tăng trưởng				
Doanh thu	-21,0%	-2,3%	9,1%	8,8%
EBITDA	-28,3%	0,2%	38,4%	8,3%
EBIT	-63,0%	-5,9%	172,8%	20,0%
Lợi nhuận ròng	-93,0%	262,8%	296,3%	22,1%
Vốn chủ sở hữu	-5,5%	1,0%	5,3%	6,1%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	-8,1%	-4,7%	6,4%	7,0%
Định giá				
P/E	258,3	68,7	20,7	17
P/B	0,9	0,9	1	1
Giá/Doanh thu	0,6	0,6	0,7	0,7
Tỷ suất cổ tức	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
EV/EBITDA	7,9	7,3	6	6
EV/Doanh thu	0,8	0,7	0,7	0,7
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	8,6%	9,4%	11,8%	12,3%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	2,2%	2,1%	5,1%	5,6%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	0,3%	0,9%	3,4%	3,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	2,5%	2,6%	2,5%	2,5%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,4%	4,1%	4,0%	4,0%
ROE	0,4%	1,3%	5,2%	6,0%
ROA	0,2%	0,8%	3,0%	3,5%
ROIC	1,6%	1,7%	4,6%	5,2%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Phân tích Ngành Xi măng

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702